**ĐỀ CƯƠNG THI LẠI NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN ĐỊA LÍ – LỚP 10**

**Câu 1. Đô thị hóa là gì? Trình bày những ảnh hưởng của đô thị hóa đến kinh tế xã hội và môi trường.**

- Đô thị hóa là quá trình kinh tế xã hội mà biểu hiện của nó là sự tăng nhanh về số lượng và quy mô các điểm dân cư đô thị, sự tập trung dân cư trong các thành phố, nhất là các thành phố lớn và phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

- Ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

* Tích cực

+ Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

+ Tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống.

+ Mở rộng không gian đô thị và cải thiện cơ sở hạ tầng, hình thành môi trường đô thị hiện đại.

* Tiêu cực

+ Đô thị hóa tự phát sẽ gây quá tải cơ sở hạ tầng, phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, sức ép lên vấn đề giải quyết việc làm, thiếu hụt lao động ở nông thôn.

+ Đối với môi trường: làm suy giảm đa dạng sinh học, môi trường ô nhiễm…

**Câu 2. Trình bày vai trò, đặc điểm của ngành trồng trọt**

* Vai trò

- Cung cấp lương thực thực phẩm cho người dân.

- Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến.

- Là cơ sở để phát triển chăn nuôi.

- Là nguồn hàng xuất khẩu có giá trị.

=> Góp phần giữ gìn, cân bằng sinh thái, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

* Đặc điểm

- Đối tượng sản xuất là cây trồng.

- Tư liệu sản xuất là đất trồng.

- Sự phát triển và phân bố ngành trồng trọt phụ thuộc chặt chẽ vào đất trồng và điều kiện tự nhiên.

- Có tính mùa vụ.

- Trong nền sản xuất hiện đại, có sự thay đổi về hình thức tổ chức sản xuất và phương thức sản xuất.

**Câu 3. Trình bày tình hình phát triển và phân bố của ngành giao thông vận tải đường ô tô và đường sắt.**

* Đường ô tô

- Ra đời sớm, phát triển mạnh và phổ biến nhất do tính ưu việt trong di chuyển, tính kết nối với các loại hình vận tải khác.

- Số lượng ngày càng tăng, nhiều nhất là phương tiện thân thiện môi trường và độ an toàn cao.

- Mạng lưới đường sá ngày càng phát triển, tổng chiều dài không ngừng tăng lên, nhất là hệ thống đường cao tốc.

- Phân bố: tập trung nhiều nhất ở: Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản …

* Đường sắt

- Ra đời sớm, gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, hiện nay có nhiều đổi mới về đầu kéo, đường ray, tải trọng, tốc độ ... nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng.

- Thế giới có hơn 1,37 triệu km (năm 2020) với nhiều loại như đường sắt trên mặt đất, đường sắt trên cao, đường sắt dưới lòng đất,... Tại các đô thị lớn, hệ thống tàu điện được chú trọng phát triển.

- Phân bố: tập trung nhiều nhất ở khu vực Tây Âu, Bắc Mỹ, Đông Á. Các nước có chiều dài đường sắt lớn trên thế giới: Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc …

**Câu 4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư trên thế giới.**

* Nhân tố kinh tế xã hội

- Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tính chất của nền kinh tế → quyết định sự phân bố dân cư.

Ví dụ: Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất càng cao => càng khắc phục được những khó khăn của điều kiện tự nhiên để bố trí dân cư như các điểm dân cư trên các vùng núi cao, hoang mạc.

- Lịch sử khai thác lãnh thổ: Khu vực được khai thác lâu đời có dân cư đông đúc hơn khu vực mới khai thác.

Ví dụ: các đồng bằng ở Đông Nam Á, đồng bằng Tây Âu dân cư đông đúc hơn các khu vực mới khai thác ở Ôxtrâylia hoặc Canada

- Chuyển cư quy mô lớn tác động tới sự phân bố dân cư trên thế giới.

Ví dụ: Số dân của Bắc Mĩ và Mĩ Latinh tăng lên nhiều nhờ các cuộc chuyển cư từ Châu Âu, Châu Phi.

* Nhân tố tự nhiên

- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên (khí hậu, nước, địa hình, đất đai…) tạo thuận lợi hoặc gây khó khăn đến đời sống con người => tác động tới sự phân bố dân cư.

Ví dụ: Dân cư thường tập trung nơi có khí hậu ôn hòa, nguồn nước dồi dào, địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ và ngược lại.

**Câu 5. Trình bày cơ cấu, vai trò và đặc điểm của ngành dịch vụ**

* Cơ cấu

Dịch vụ gồm 3 nhóm:

- DV kinh doanh: Giao thông vận tải, Bưu chính viễn thông, Tài chính ngân hàng, …

- DV tiêu dùng: Bán buôn, bán lẻ, du lịch, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, ...

- DV công: Hành chính công, các hoạt động đoàn thể,

* Vai trò

- Thúc đẩy sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế khác.

- Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Khai thác có có hiệu quả các nguồn lực tự nhiên và kinh tế xã hội.

- Thúc đẩy liên kết giữa giữa các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ và hội nhập quốc tế.

- Tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Nâng cao đời sống văn hóa, văn minh cho người dân.

* Đặc điểm

- Sản phẩm của ngành dịch vụ không phải là vật chất cụ thể.

- Có sự liên kết chặt chẽ với các ngành kinh tế và là mắt xích quan trọng trong chuỗi sản xuất.

- Có cơ cấu đa dạng, thay đổi nhanh về quy mô, các loại hình dịch vụ và áp dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học công nghệ nhắm nâng cao chất lượng phục vụ và năng suất lao động.

**Câu 6. So sánh vai trò, đặc điểm và phân bố của ngành công nghiệp khai thác than và khai thác dầu khí**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Vai trò | Đặc điểm | Phân bố |
| Khai thác than | - Cung cấp nguyên - nhiên liệu cho các ngành kinh tế và đời sống xã hội. - Cung cấp nguồn hàng xuất khẩu ở một số quốc gia. | - Xuất hiện từ rất sớm.- Quá trình khai thác gây tác động lớn đến môi trường  | - Sản lượng khai thác than trên TG ngày càng tăng: 7,7 tỉ tấn năm 2020.- Các quốc gia sản xuất than lớn: Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Inđônêxia, Ô-xtrây-li-a … |
| Khai thác dầu khí | - Cung cấp nguồn nhiên liệu quan trọng trong sản xuất và đời sống. - Từ dầu mỏ, sản xuất ra nhiều loại hóa phẩm và dược phẩm.- Là nguồn thu ngoại tệ chủ yếu của nhiều quốc gia. | - Xuất hiện sau ngành công nghiệp khai thác than.- Dể sử dụng- Quá trình khai thác gây tác động lớn đến môi trường | - Sản lượng khai thác dầu và khí tự nhiên trên thế giới ngày càng tăng: 4,1 tỉ tấn dầu và 3853,7 tỉ m3 khí năm 2020.- Các quốc giá có sản lượng khai thác dầu lớn: Hoa Kỳ, Liên Bang Nga, A-Rập-Xê-Út, Canada, I-Rắc.- Các quốc giá có sản lượng khí tự nhiên khai thác lớn: Hoa Kỳ, Liên Bang Nga, I-Ran, Trung Quốc. |

**Câu 7. Trình bày vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải**

* Vai trò

- Giúp quá trình sản xuất và tiêu thụ được diễn ra liên tục.

- Phục vụ nhu cầu đi lại của toàn xã hội.

- Tạo các mối liên kết kinh tế xã hội giữa các địa phương và tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế.

- Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, làm thay đổi phân bố sản xuất và dân cư trên thế giới.

- Khai thác có hiệu quả các nguồn lực sẵn có của mỗi vùng, mỗi quốc gia.

* Đặc điểm

- Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa.

- Tiêu chí đánh giá gồm:

+ Khối lượng vận chuyển (số hành khách và số tấn hàng hóa).

+ Khối lượng luân chuyển (người.km hoặc tấn.km).

+ Cự li vận chuyển trung bình (km).

+ Sự tiện nghi, an toàn, ảnh hưởng đến môi trường

+ Có sự phân bố đặc thù theo mạng lưới với các tuyến đầu mối giao thông

**Câu 8. Trình bày những nét chính của ngành công nghiệp điện tử tin học**

* Vai trò

- Có vị trí then chốt trong nền kinh tế và tác động mạnh mẽ đến các ngành công nghiệp khác.

- Sản phẩm của ngành đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

- Thúc đẩy sự xuất hiện của nhiều ngành có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao.

- Làm thay đổi cơ cấu lao động và trình độ lao động trên thế giới.

* Đặc điểm

- Là ngành trẻ, phát triển nhanh từ 1990 trở lại đây.

- Sản phẩm khá đa dạng: linh kiện điện tử, máy vi tính, thuyết bị truyền thông, sản phẩm điện tử dân dụng, ….

- Yêu cầu lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, ít gây ô nhiễm môi trường

* Phân bố

- Có mặt ở hầu hết các nước: Hoa Kì, các nước Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Braxin, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam ….

**Câu 9. So sánh vai trò, đặc điểm của điểm công nghiệp và khu công nghiệp tập trung.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Vai trò | Đặc điểm |
| Điểm công nghiệp | - Là đơn vị cơ sở cho các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp khác.- Đóng góp vào nguồn thu của địa phương- Góp phần giải quyết việc làm và thực hiện công nghiệp hóa tại địa phương | - Là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đơn giản nhất.- Gồm 1 số cơ sở sản xuất công nghiệp nằm trong phạm vi của 1 điểm dân cư hoặc xa điểm dân cư.- Phân bố gần nguồn nhiên liệu, nguyên liệu hoặc vùng nông sản.- Giữa các cơ sở sản xuất công nghiệp không có hoặc có rất ít mối quan hệ với nhau.  |
| Khu công nghiệp tập trung | - Góp phần thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.- Thúc đẩy chuyển giao công nghệ hiện đại.- Giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn lao động.- Tạo nguồn hàng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. | - Có ranh giới rõ ràng, không dân cư sinh sống.- Có vị trí thuận lợi để vận chuyển hàng hóa và liên hệ với bên ngoài: cảng biển, sân bay, đường giao thông …- Tập trung tương đối nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, sử dung chung cơ sở hạ tầng, được hưởng quy chế riêng, ưu đãi sử dụng đất, thuế quan và ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ vào sản xuất.- Có các cơ sở sản xuất công nghiệp nồng cốt, và các cơ sở sản xuất công nghiệp hổ trợ.- Có các hình thức khác: đặc khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, công viên khoa học … |

**Câu 10. Trình bày tác động của công nghiệp đến môi trường và định hướng phát triển ngành công nghiệp trong tương lai.**

* Tác động đến môi trường.

- Tích cực: tạo ra các máy móc, thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại để dự báo và khai thác hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Tiêu cực:

+ Ô nhiễm môi trường nước và không khí

+ Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn

+ Ô nhiễm môi trường do sản phẩm công nghiệp sau sử dụng.

+ Cạn kiệt một số nguồn tài nguyên

=>Trước những hoạt động tiêu cực trên, việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo là cần thiết

* Định hướng phát triển ngành công nghiệp trong tương lai.

- Chuyển từ ngành công nghiệp truyền thống sang ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao.

- Sự phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp có tác động mạnh mẽ đến sự liên kết và phát triển công nghiệp theo ngành, theo vùng.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp gắn với sự khai thác hợp lí, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp xanh, nhằm hạn chế phát thải khí CO2 và các chất độc hại ra môi trường.

**Câu 11. Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải? Lấy vì dụ minh họa.**

* Điều kiện tự nhiên

- Điạ hình: Quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình vận tải, ảnh hưởng đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.

Ví dụ: Ở vùng hoang mạc: phương tiện di chuyển là đà và trực thăng. Nơi có mạng lưới dày đặc thì thuận lợi cho ngành vận tải đường sông.

- Khí hậu và thời tiết ảnh hưởng tới hoạt động các phương tiện vận tải.

Ví dụ: Mưa, bão, sương mù, băng tuyết …. gây cản trở hoạt động của phương tiện vận tải đường hàng không.

* Điều kiện kinh tế – xã hội

- Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển, phân bố và hoạt động giao thông vận tải.

Ví dụ: sự phát triển các trung tâm công nghiệp lớn sẽ làm tăng nhu cầu vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu và sản phẩm. Vì vậy việc phát triển các trung tâm công nghiệp sẽ làm tăng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển cũng như cự li vận chuyển của các ngành giao thông vận tải.

- Phân bố dân cư có ảnh hưởng sâu sắc tới vận tải hành khách.

Ví dụ: ở các thành phố lớn các loại hình vận tải ô tô phát triển như taxi, xe buýt …

- Khoa học công nghệ ảnh hưởng đến tốc độ vận chuyển, việc hiện đại hóa và nâng cao chất lượng, điều hành và quản lí các phương tiện vận tải.

Ví dụ: Tàu TGV của Pháp, tốc độ cao nhất 574 km/h giúp quá trình vận chuyển người và hàng hóa nhanh gấp nhiều lần so với phương tiện khác.

**Câu 12. Trình bày vai trò, đặc điểm và phân bố của ngành thủy sản**

* Vai trò

- Cung cấp thực phẩm cho con người: thủy sản nước ngọt, nước mặn và nước lợ/

- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, dược phẩm.

- Giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

- Khai thác tốt các tiềm năng về tự nhiên, kinh tế xã hội và bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia.

* Đặc điểm

- Ngành thủy sản bao gồm nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và dịch vụ thủy sản.

- Diện tích mặt nước và chất lượng nguồn nước là tư liệu sản xuất quan trọng không thể thay thế được.

- Sản xuất thủy sản có tính hỗn hợp và liên ngành cao.

- Công nghệ nuôi trồng và khai thác ngày càng hiện đại => làm tăng hiệu quả sản xuất, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

* Phân bố

- Sản lượng thủy sản khai thác trên thế giới ngày càng tăng, ngư trường càng mở rộng, công nghệ ngày càng tiên tiến.

- Các nước có sản lượng khai thác thủy sản hàng đầu TG: Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Pê-ru, Hoa Kỳ …

- Ngày nay, nuôi trồng thủy hải sản được nhiều quốc gia chú trọng, hình thức và công nghệ nuôi trồng ngày càng cải tiến và hiện đại.

- Các nước có sản lượng thủy sản nuôi trồng hàng đầu TG: Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ, Việt Nam …

**XEM CÁC DẠNG BÀI TẬP VẼ BIỂU ĐỒ TRÒN VÀ BIỂU ĐỒTỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG**